

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIẾN ĐỘ QUYỂN 27

Kiến độ thứ 7: ĐỊNH

Phẩm 3: BÀN VỀ GIẢI THOÁT

Thâu tóm tương ứng cũng chung, thành tựu thiên vô sắc, bảy người, bảy đặc lập tức.

Do Tam-muội nào dứt hết mười tướng? Bốn thiên, bốn đẳng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập (tám thắng xứ), mười nhất thiết nhập, tám trí, ba Tam-muội.

Mười tướng là tướng về vô thường, tướng về vô thường khổ, tướng về khổ vô ngã, tướng về bất tịnh, tướng về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không có dục, tướng về tận.

Tướng về vô thường thâu nhiếp bao nhiêu thiên? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến tướng về tận cũng như thế.

Sơ thiên thâu nhiếp bao nhiêu thiên? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến tứ thiên cũng như thế.

Từ thâu nhiếp bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến Hộ cũng như thế.

Không xứ trong vô sắc thâu nhiếp bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến hữu tướng- vô tướng cũng

như thế.

Giải thoát thứ nhất thâm nhiếp bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến giải thoát thứ tám cũng như thế.

Trừ nhập thứ nhất thâm nhiếp bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến trừ nhập thứ tám cũng như thế.

Nhất thiết nhập thứ nhất thâm nhiếp bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến nhất thiết nhập thứ mười cũng như thế.

Pháp trí thâm nhiếp bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam-muội? Cho đến đạo trí cũng như thế.

Không- vô tướng- vô nguyện thâm nhiếp bao nhiêu Tam-muội? Tương ứng chung cũng như thế.

Nếu thành tựu sơ thiền thì đối với tứ thiền này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Nếu thành tựu sơ thiền thì đối với bốn đẳng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập, mười nhất thiết nhập, tám trí, ba Tam-muội có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Cho đến tứ thiền cũng như thế.

Bảy người là kiên tín, kiên pháp, tín giải thoát, kiến đáo, thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát.

Người kiên tín đối với vị tương ứng tứ thiền, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Cho đến người câu giải thoát đối với vị tương ứng tứ thiền, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Người kiên tín đối với vị tương ứng bốn định vô sắc, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Cho đến người câu giải thoát đối với vị tương ứng bốn định vô sắc, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Có thể thành tựu vị tương ứng tứ thiền mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chăng? Thành tựu tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chăng? Thành tựu vô lậu mà không phải vị

tương ứng cũng không phải tịnh chẳng? Thành tựu vị tương ứng và tịnh mà hông phải vô lậu chẳng? Thành tựu vị tương ứng và vô lậu mà không phải tịnh chẳng? Thành tựu tịnh - vô lậu mà không phải vị tương ứng chẳng? Thành tựu vị tương ứng tịnh- vô lậu chẳng? Không thành tựu- được- bỏ, thoái lui cũng như thế.

Có thể thành tựu vị tương ứng bốn định vô sắc mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chẳng? Thành tựu tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chẳng? Thành tựu vô lậu mà không phải vị tương ứng cũng không phải tịnh chẳng? Thành tựu vị tương ứng tịnh mà không phải vô lậu chẳng? Thành tựu vị tương ứng vô lậu mà không phải tịnh chẳng? Thành tựu tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chẳng? Thành tựu vị tương ứng tịnh- vô lậu chẳng? Không thành tựu- được- bỏ, thoái lui cũng như thế.

Có thể vị tương ứng tứ thiền lập tức được- lập tức bỏ, dần dần được- dần dần bỏ chẳng? Có thể tịnh của tứ thiền lập tức được- lập tức bỏ, dần dần được- dần dần bỏ chẳng? Có thể tứ thiền vô lậu lập tức được- lập tức bỏ, dần dần được- dần dần bỏ chẳng? Có thể vị tương ứng bốn định vô sắc lập tức được- lập tức bỏ, dần dần được- dần dần bỏ chẳng? Có thể tịnh của bốn định vô sắc lập tức được- lập tức bỏ, dần dần được- dần dần bỏ chẳng? Định của ba vô sắc vô lậu lập tức được- lập tức bỏ, dần dần được- dần dần bỏ chẳng?

Thân giáo do Tam-muội nào trừ hết? Khẩu giáo do Tam-muội nào trừ hết? Thân không có giáo, khẩu không có giáo, ba hành ác, ba hành diêu, ba căn bất thiện, ba căn thiện, bốn không thánh ngữ, bốn thánh ngữ, bốn bào thai, bốn sinh, bốn thức trụ, năm thanh ấm, năm dục, năm giới Ưu-bà-tắc, sáu nội nhập, sáu ngoại nhập, sáu thức thân, sáu cánh lạc (xúc) thân, sáu thống (thọ) thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân, chỗ dừng lại của bảy thức, tám pháp, chín nơi cư trú của chúng sinh, mười hành tích, bốn thiền, bốn đẳng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập (tám thắng xứ), mười nhất thiết nhập, tha tâm trí và đẳng trí do Tam-muội nào trừ hết?

Về nghĩa của chương này, xin diễn nói đầy đủ.

Mười tưởng là tưởng về vô thường, tưởng về vô thường khổ, tưởng về khổ vô ngã, tưởng về bất tịnh, tưởng về ăn uống, tưởng về tất cả thế gian không thể vui, tưởng về sự chết, tưởng về đoạn, tưởng về không có dục, tưởng về tận.

Tưởng về vô thường thâm nhiếp bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn giải thoát. Tưởng về vô thường khổ, tưởng về khổ vô ngã, tưởng về

chết, tưởng về đoạn, tưởng về không có dục, tưởng về tận cũng như thế. Tưởng về bất tịnh, tưởng về ăn uống thâm nhiếp bốn thiên và hai giải thoát đầu; tưởng về tất cả thế gian không thể vui thâm nhiếp thiên thứ ba- thứ tư.

Trong thiên sơ thiên thâm nhiếp sơ thiên, bốn đẳng, giải thoát đầu tiên, thứ hai, bốn trừ nhập đầu, tám trí, ba Tam-muội. Nhị thiên thâm nhiếp nhị thiên, bốn đẳng, giải thoát đầu tiên- thứ hai, bốn trừ nhập đầu, tám trí, ba Tam-muội. Tam thiên thâm nhiếp tam thiên, ba đẳng, tám trí, ba Tam-muội. Tứ thiên thâm nhiếp tứ thiên, ba đẳng, tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập, tám trí, ba Tam-muội.

Từ thâm nhiếp Từ- Bi- Hỷ- Hộ (xả) thâm nhiếp Hộ.

Trong vô sắc Không xứ thâm nhiếp Không xứ, Không xứ giải thoát, Không xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội. Thức xứ thâm nhiếp Thức xứ, Thức xứ giải thoát, Thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội. Bất dụng xứ thâm nhiếp Bất dụng xứ, Bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam-muội. Hữu tướng, vô tướng xứ thâm nhiếp hữu tướng- vô tướng xứ, hữu tướng- vô tướng giải thoát diệt tận, giải thoát một trí.

Giải thoát đầu tiên- thứ hai- thứ ba thâm nhiếp giải thoát đầu tiên- thứ hai- thứ ba. Không xứ giải thoát thâm nhiếp giải thoát Không xứ, Không xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội. Thức xứ giải thoát thâm nhiếp Thức xứ giải thoát, Thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội. Bất dụng xứ giải thoát thâm nhiếp Bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam-muội. Hữu tướng- vô tướng giải thoát thâm nhiếp hữu tướng- vô tướng giải thoát, một trí. Diệt tận giải thoát thâm nhiếp diệt tận giải thoát.

Trừ nhập đầu tiên thâm nhiếp trừ nhập đầu tiên, cho đến trừ nhập thứ tám thâm nhiếp trừ nhập thứ tám.

Nhất thiết nhập đầu tiên thâm nhiếp nhất thiết nhập đầu tiên, cho đến nhất thiết nhập thứ mười thâm nhiếp nhất thiết nhập thứ mười.

Pháp trí thâm nhiếp pháp trí, năm trí, phần ít nhập, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Vị trí thâm nhiếp vị trí, năm trí, phần ít nhập, tha tâm trí, khổ trí, tập- tận- đạo trí. tha tâm trí thâm nhiếp tha tâm trí, bốn trí, phần ít nhập, pháp trí, vị trí, đạo trí, đẳng trí. Đẳng trí thâm nhiếp đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Không- vô tướng- vô nguyện thâm nhiếp vô tướng cũng tồn tại cũng như thế.

Tưởng về vô thường tương ứng tứ thiên, bốn định vô sắc, bốn giải thoát, bốn trí, một Tam-muội. Tưởng về vô thường khổ, tưởng về vô ngã khổ, tưởng về sự chết, tưởng về đoạn, tưởng về không có dục, tưởng về

tận cũng như vậy.

Tướng về bất tịnh, tướng về ăn uống tương ứng tứ thiền, giải thoát thứ nhất- thứ hai và đẳng trí.

Tướng về tất cả thế gian không thể vui tương ứng với thiền thứ ba- thứ tư và đẳng trí.

Trong thiền sơ thiền tương ứng với sơ thiền, bốn đẳng, giải thoát thứ nhất và thứ hai, bốn trừ nhập đầu, tám trí, ba Tam-muội.

Thiền thứ hai tương ứng với thiền thứ hai, bốn đẳng, giải thoát thứ nhất và thứ hai, bốn trừ nhập đầu, tám trí, ba Tam-muội.

Thiền thứ ba tương ứng với thiền thứ ba, ba đẳng, tám trí, ba Tam-muội.

Thiền thứ tư tương ứng với thiền thứ tư, ba đẳng, tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập, tám trí, ba Tam-muội.

Từ tương ứng với Từ và đẳng trí cùng Bi- Hỷ- Hộ (xả) tương ứng với Hộ cùng đẳng trí.

Trong vô sắc Không xứ tương ứng với Không xứ, Không xứ giải thoát, Không xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội.

Thức xứ tương ứng với Thức xứ, Thức xứ giải thoát, Thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội.

Bất dụng xứ tương ứng với Bất dụng xứ, Bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam-muội.

Hữu tướng - vô tướng xứ tương ứng với hữu tướng vô tướng xứ, hữu tướng vô tướng giải thoát cùng đẳng trí.

Giải thoát thứ nhất- thứ hai- thứ ba tương ứng với giải thoát thứ nhất- thứ hai- thứ ba và đẳng trí.

Không xứ giải thoát tương ứng với Không xứ giải thoát, Không xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội.

Thức xứ giải thoát tương ứng với Thức xứ giải thoát, Thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam-muội.

Bất dụng xứ giải thoát tương ứng với Bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam-muội.

Hữu tướng vô tướng giải thoát tương ứng với hữu tướng vô tướng giải thoát cùng đẳng trí.

Trừ nhập thứ nhất tương ứng với trừ nhập thứ nhất cùng đẳng trí, cho đến trừ nhập thứ tám tương ứng với trừ nhập thứ tám và đẳng trí.

Nhất thiết nhập thứ nhất tương ứng với nhất thiết nhập thứ nhất và đẳng trí, cho đến nhất thiết nhập thứ mười tương ứng với nhất thiết nhập thứ mười và đẳng trí.

Pháp trí tương ứng với vị trí trí, ba Tam-muội, phần ít nhập. Tha tâm trí tương ứng với một Tam-muội, phần ít nhập.

Đẳng trí không tương ứng với Tam-muội.

Khổ trí tương ứng với hai Tam-muội, phần ít nhập. Tập- tận- đạo trí tương ứng với một Tam-muội và phần ít nhập. Tam-muội không, vô tướng, vô nguyện không tương ứng với Tam-muội.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiền, thì đối với tứ thiền này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là một? Ái cõi Dục hết mà ái trên cõi Phạm thiên chưa hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Ái trên cõi Phạm thiên hết mà ái cõi Quang âm chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Ái cõi Quang âm hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Ái cõi Biến tịnh hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiền, thì đối với bốn đẳng này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc ba, hoặc bốn.

Thế nào là không có? Sinh nơi cõi Vô sắc, đó gọi là không có.

Thế nào là ba? Sinh trời Biến tịnh hoặc cõi Quả thật, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, cõi Quang âm, đó gọi là bốn.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiền thì đối với bốn định vô sắc này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Ái cõi Sắc chưa hết, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Ái cõi Sắc đã hết mà ái Không xứ chưa hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Ái Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Ái Thức xứ đã hết mà ái Bất dụng xứ chưa hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Ái của Bất dụng xứ đã hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiền, thì đối với tám giải thoát này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn- năm- sáu- bảy-

tám.

Thế nào là không có? Sinh cõi Biến tịnh đối với ái cõi Biến tịnh chưa hết, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Sinh cõi Biến tịnh đối với ái cõi Biến tịnh đã hết mà ái cõi Quả thật chưa hết. Nếu sinh cõi Quả thật thì ái cõi Quả thật chưa hết hoặc sinh nơi Không xứ thì ái Không xứ chưa hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái cõi Quang âm đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì ái cõi Quang âm đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì ái cõi Quả thật đã hết mà ái Không xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Quả thật thì ái cõi Quả thật đã hết mà ái Không xứ chưa hết. Nếu sinh Không xứ thì ái Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Thức xứ thì đối với ái Thức xứ chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái cõi Biến tịnh đã hết mà ái cõi Quả thật chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì ái cõi Biến tịnh đã hết mà ái cõi Quả thật chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì ái nơi Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Quả thật thì ái nơi Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Không xứ thì ái nơi Thức xứ đã hết mà ái nơi Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Thức xứ thì đối với ái Thức xứ đã hết mà ái nơi Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Bất dụng xứ thì đối với ái Bất dụng xứ chưa hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái cõi Quả thật hết mà ái Không xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì ái cõi Quả thật đã hết mà ái nơi Không xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì ái nơi Thức xứ hết mà ái nơi Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Quả thật thì ái nơi Thức xứ đã hết mà ái nơi Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ thì ái hết, hông đạt được Tam-muội diệt tận. Nếu sinh nơi Bất dụng xứ thì đối với ái cõi ấy đã hết, không đạt được Tam-muội diệt tận. Nếu sinh nơi hữu tướng-vô tướng xứ thì không đạt được Tam-muội diệt tận, đó gọi là bốn.

Thế nào là năm? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên thì ái nơi Không xứ đã hết mà ái nơi Thức xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm, thì ái nơi Không xứ đã hết mà ái nơi Thức xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì ái nơi Bất dụng xứ đã hết mà không được Tam-muội diệt tận. Nếu sinh cõi Quả thật thì ái nơi Bất dụng xứ đã hết mà không được Tam-muội diệt tận. Nếu sinh nơi hữu tướng-vô tướng xứ, thì đạt được

Tam-muội diệt tận, đó gọi là năm.

Thế nào là sáu? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên thì ái nơi Thức xứ đã hết mà ái nơi Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì ái nơi Thức xứ đã hết mà ái nơi Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì đạt được Tam-muội diệt tận. Nếu sinh cõi Quả thật thì đạt được Tam-muội diệt tận, đó gọi là sáu.

Thế nào là bảy? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên thì ái nơi Bất dụng xứ đã hết mà không được Tam-muội diệt tận. Nếu sinh cõi Quang âm thì ái nơi Bất dụng xứ đã hết mà không đạt được Tam-muội diệt tận, đó gọi là bảy.

Thế nào là tám? Sinh cõi Dục hoặc sinh trên cõi Phạm thiên, đạt được Tam-muội diệt tận. Nếu sinh cõi Quang âm thì đạt được Tam-muội diệt tận, đó gọi là tám.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiền thì đối với tám trừ nhập này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc bốn, hoặc tám.

Thế nào là không có? Sinh cõi Biến tịnh đối với ái cõi Biến tịnh chưa hết hoặc sinh đến cõi Vô sắc thì đó gọi là không có.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái cõi Quang âm hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì đối với ái cõi Quang âm đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì ái cõi Biến tịnh hết. Nếu sinh cõi Quả thật thì ái cõi Quả thật chưa hết, đó gọi là bốn.

Thế nào là tám? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên thì ái cõi Biến tịnh đã hết hoặc sinh cõi Quang âm thì ái cõi Biến tịnh hết, đó gọi là tám.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiền thì đối với mười nhất thiết nhập này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một - hai - tám - chín - mười.

Thế nào là không có? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên thì ái cõi Quang âm hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì đối với ái cõi Quang âm đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì ái cõi Biến tịnh chưa hết hoặc sinh nơi Bất dụng xứ, hữu tướng- vô tướng xứ, thì đó gọi là không có.

Thế nào là một? Sinh nơi Không xứ đối với ái nơi Không xứ chưa hết hoặc sinh nơi Thức xứ, thì đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh nơi Không xứ, đối với ái nơi Không xứ đã hết, đó gọi là hai.

Thế nào là tám? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, Biến tịnh hết ái mà Quả thật chưa hết ái. Nếu sinh Quang âm thì hết ái Biến tịnh mà chưa hết ái Quả thật. Nếu sinh Biến tịnh thì hết ái nơi đây mà chưa hết ái Quả thật. Nếu sinh Quả thật mà chưa hết ái nơi đây, thì đó gọi là tám.

Thế nào là chín? Sinh cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái cõi Sắc hết mà chưa hết ái Không xứ, đó gọi là chín.

Thế nào là mười? Sinh cõi Dục hoặc hết cõi Sắc mà ái nơi Không xứ hết, đó gọi là mười.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiên thì đối với tám trí này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hai, bốn- năm- sáu- bảy- tám.

Thế nào là hai? Người phàm phu là hai, người vô cấu với khổ pháp nhãn hiện ở trước mắt là hai, khổ pháp trí là bốn; khổ vị tri nhãn là bốn, khổ vị tri trí là năm, tập pháp nhãn là năm, tập pháp trí là sáu, tập vị tri nhãn- tập vị tri trí và tận pháp nhãn là sáu. Tận pháp trí là bảy, tận vị tri nhãn- tận vị tri trí và đạo pháp nhãn là bảy, đạo pháp trí là tám. Đạo vị tri nhãn- đạo vị tri trí là tám.

Hỏi: Nếu thành tựu sơ thiên thì đối với ba Tam-muội này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không, hoặc hai- ba.

Thế nào là không? Người phàm phu không có người vô cấu với tận pháp nhãn chưa sinh là hai, đã sinh là ba... Cho đến thiên thứ tư cũng như vậy.

Bảy người là kiên tín, kiên pháp, tín giải thoát, kiến đáo, thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát.

Hỏi: Người kiên tín đối với vị tương ứng tứ thiên, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Ái cõi Sắc đã hết, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Ái cõi Biến tịnh đã hết mà ái cõi Quả thật chưa hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Ái cõi Quang âm đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Ái trên cõi Phạm thiên đã hết mà ái cõi Quang âm chưa hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Ái trên cõi Phạm thiên chưa hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Sinh cõi Dục mà ái dục chưa hết, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Sinh cõi Dục, ái dục đã hết mà ái trên cõi Phạm thiên chưa hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh nơi cõi Phạm thiên, ái trên cõi Phạm thiên hết mà ái cõi Quang âm chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Sinh cõi Quang âm, ái cõi Quang âm đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Biến tịnh, ái cõi Biến tịnh đã hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Dựa vào vị lai vượt thứ tự mà thủ chứng, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Dựa vào sơ thiên vượt qua thứ tự mà thủ chứng, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Dựa vào nhị thiên vượt qua thứ tự mà thủ chứng, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Dựa vào tam thiên vượt qua thứ tự mà thủ chứng, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Dựa vào tứ thiên vượt qua thứ tự mà thủ chứng, đó gọi là bốn.

Người kiên pháp cũng như thế.

Hỏi: Người tín giải thoát đối với vị tương ứng tứ thiên, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Sắc ái hết, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Ái cõi Biến tịnh hết mà ái cõi Quả thật chưa hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Ái cõi Quang âm hết mà ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Ái trên cõi Phạm thiên hết mà ái cõi Quang âm chưa hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Ái trên cõi Phạm thiên chưa hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba-, bốn.

Thế nào là không có? Sinh cõi Dục mà chưa hết dục ái hoặc sinh

cõi Vô sắc đó gọi là không có.

Thế nào là một? Sinh cõi Dục đã hết dục ái, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết hoặc sinh trên Phạm thiên mà chưa hết ái cõi Phạm thiên. Nếu sinh cõi Quang âm mà chưa hết ái nơi đó hoặc sinh cõi Biến tịnh mà chưa hết ái nơi đó. Nếu sinh cõi Quả thật, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên đã hết mà ái cõi Quang âm chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì đối với ái cõi đó đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Biến tịnh thì đối với ái cõi đó đã hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên ái cõi Quang âm đã hết mà ái cõi Biến tịnh chưa hết. Nếu sinh cõi Quang âm thì ái cõi Biến tịnh hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái cõi Biến tịnh đã hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Dục ái chưa hết thì đó gọi là không có.

Thế nào là một? Dục ái hết mà ái trên cõi Phạm thiên chưa hết thì đó gọi là một.

Thế nào là hai? Hết ái trên cõi Phạm thiên mà chưa hết ái cõi Quang âm thì đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Hết ái cõi Quang âm mà chưa hết ái cõi Biến tịnh thì đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Hết ái cõi Biến tịnh thì đó gọi là bốn.

Người kiến đạo cũng như vậy.

Hỏi: Người thân chứng đối với vị tương ưng tứ thiền, thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Hết thấy không thành tựu.

Hỏi: Tịnh thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Sinh nơi hữu tướng- vô tướng xứ, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Sinh cõi Quả thật, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh cõi Biến tịnh, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Sinh cõi Quang âm, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Thành tựu tất cả.

Người câu giải thoát cũng vậy.

Hỏi: Người tuệ giải thoát đối với vị tương ứng tứ thiên, thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Cả thấy không thành tựu.

Hỏi: Tịnh thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Sinh cõi Vô sắc, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Sinh cõi Quả thật, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh cõi Biến tịnh, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Sinh cõi Quang âm, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Nếu sinh trên trời Phạm, cõi Dục, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Thành tựu tất cả.

Hỏi: Người kiên tín đối với vị tương ứng bốn định vô sắc, thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là một? Hết ái cõi Bất dụng xứ, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Hết ái Thức xứ mà chưa hết ái Bất dụng xứ, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Hết ái Không xứ mà chưa hết ái Thức xứ, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Chưa hết ái Không xứ, đó gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh thành tựu bao nhiêu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Chưa hết sắc ái, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Hết sắc ái mà chưa hết ái Không xứ, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Hết ái Không xứ mà chưa hết ái Thức xứ, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Hết ái Thức xứ mà chưa hết ái Bất dụng xứ, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Hết ái Bất dụng xứ, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu thành tựu và không thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Hết thấy không thành tựu.

Người kiên pháp cũng như thế.

Người tín giải thoát đối với vị tương ứng bốn định vô sắc, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là một? Ái Bất dụng xứ đã hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Ái Thức xứ đã hết mà ái Bất dụng xứ chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Ái Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Ái Không xứ chưa hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là không có? Sinh cõi Dục hoặc ái sắc cõi Sắc chưa hết, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Sinh cõi Dục hoặc ái sắc của cõi Sắc đã hết mà ái Không xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Không xứ thì ái Không xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Thức xứ thì ái Thức xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Bất dụng xứ thì ái Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh Hữu tướng- Vô tướng xứ thì đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái nơi Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết hoặc sinh nơi Không xứ thì ái Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Thức xứ thì ái Thức xứ đã hết mà ái Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh nơi Bất dụng xứ thì ái Bất dụng xứ đã hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Sinh cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái nơi Thức xứ đã hết mà ái nơi Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh Không xứ thì ái Thức xứ đã hết mà ái Bất dụng xứ chưa hết. Nếu sinh Thức xứ thì ái Bất dụng xứ đã hết, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc sinh cõi Sắc thì ái Bất dụng xứ đã hết hoặc sinh ở Không xứ, thì ái Bất dụng xứ đã hết, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc một, hai, ba.

Thế nào là không có? Ái cõi Sắc chưa hết, đó gọi là không có.

Thế nào là một? Ái cõi Sắc đã hết mà ái Không xứ chưa hết, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Ái của Không xứ đã hết mà ái Thức xứ chưa hết, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Ái của Thức xứ đã hết, đó gọi là ba.

Người kiến đạo cũng như thế.

Người thân chứng đối với vị tương ưng bốn định vô sắc, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Thành tựu một, không thành tựu ba.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc một, hoặc bốn.

Thế nào là một? Sinh nơi Hữu tướng, vô tướng, đó gọi là một.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc sinh cõi Sắc, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tất cả thành tựu.

Người tuệ giải thoát đối với vị tương ứng bốn định vô sắc, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tất cả không thành tựu.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc một- hai- ba- bốn.

Thế nào là một? Sinh nơi Hữu tướng- Vô tướng xứ, đó gọi là một.

Thế nào là hai? Sinh nơi Bất dụng xứ, đó gọi là hai.

Thế nào là ba? Sinh nơi Thức xứ, đó gọi là ba.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục hoặc sinh nơi cõi Sắc hoặc sinh Không xứ, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tất cả thành tựu.

Người câu giải thoát đối với vị tương ứng bốn định vô sắc, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tất cả không thành tựu.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Hoặc một, hoặc bốn.

Thế nào là một? Sinh nơi Hữu tướng- Vô tướng, đó gọi là một.

Thế nào là bốn? Sinh cõi Dục và cõi Sắc, đó gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tất cả thành tựu.

Hỏi: Có thể thành tựu vị tương ứng tứ thiên mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có, ái cõi Dục chưa hết.

Hỏi: Thành tựu tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có, người phạm phu sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái sắc đã hết.

Hỏi: Thành tựu vô lậu mà không phải vị tương ứng cũng không phải tịnh chăng?

Đáp: Có, người vô cấu sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Thành tựu vị tương ứng tịnh mà không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thành tựu vị tương ứng vô lậu mà không phải tịnh chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thành tựu tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chẳng?

Đáp: Có, người vô cấu sinh cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái sắc đã hết.

Hỏi: Thành tựu vị tương ứng tịnh- vô lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể không thành tựu vị tương ứng tứ thiên mà đều là tịnh cũng đều là vô lậu chẳng?

Đáp: Có, người vô cấu sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái sắc đã hết.

Hỏi: Không thành tựu tịnh mà đều là vị tương ứng cũng đều là vô lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Không thành tựu vô lậu mà đều là vị tương ứng cũng đều là tịnh chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Không thành tựu vị tương ứng tịnh mà đều là vô lậu chẳng?

Đáp: Có, người vô cấu sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Không thành tựu vị tương ứng vô lậu mà đều là tịnh chẳng?

Đáp: Có, người phạm phu sinh cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái sắc đã hết.

Hỏi: Không thành tựu tịnh- vô lậu mà đều là vị tương ứng chẳng?

Đáp: Có, ái cõi Dục chưa hết.

Hỏi: Không thành tựu vị tương ứng tịnh- vô lậu chẳng?

Đáp: Có, người phạm phu sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Có thể đạt được vị tương ứng tứ thiên mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Được, ái sắc hết và phiền não của cõi Dục giảm đi, hoặc mất ở cõi Vô sắc mà sinh cõi Dục.

Hỏi: Được tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Được, người phạm phu đến thiên thứ ba thì ái đã hết.

Hỏi: Được vô lậu mà không phải vị tương ứng cũng không phải tịnh chẳng?

Đáp: Được, dựa vào thiền thứ tư vượt qua thứ tự mà thủ chứng, nên đạt đến quả A-la-hán

Hỏi: Cho đến được tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chẳng?

Đáp: Được.

Hỏi: Người vô cấu đến thiền thứ ba thì ái đã hết, còn lại có được chẳng?

Đáp: Không đạt được.

Hỏi: Có thể rời bỏ vị tương ứng tứ thiền mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Bỏ tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Bỏ, người phàm phu đến thiền thứ ba đã hết ái và ràng buộc của cõi Dục giảm xuống.

Hỏi: Cho đến bỏ tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chẳng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Người vô đến thiền thứ ba đã hết ái và ràng buộc của cõi Dục giảm xuống, còn lại có bỏ chẳng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Có thể thoái lui vị tương ứng tứ thiền mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Không thoái lui.

Hỏi: Thoái lui tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Thoái lui, người phàm phu đến thiền thứ ba đã hết ái và ràng buộc của cõi Dục giảm xuống..

Hỏi: Cho đến thoái lui tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chẳng?

Đáp: Thoái lui.

Người vô cấu đến thiền thứ ba đã hết ái và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục, còn lại có thoái lui chẳng?

Đáp: Không thoái lui.

Hỏi: Có thể thành tựu vị tương ứng bốn định vô sắc mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Có, ái sắc chưa hết.

Hỏi: Cho đến thành tựu tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chẳng?

Đáp: Có sinh cõi Dục và cõi Sắc, được quả A-la-hán, hoặc sinh nơi Không xứ đạt được quả A-la-hán

Hỏi: Thành tựu pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể không thành tựu vị tương ứng bốn định vô sắc mà đều là tịnh cũng đều là vô lậu chăng?

Đáp: Có, A-la-hán sinh cõi Dục- cõi Sắc, hoặc A-la-hán sinh Không xứ,

Hỏi: Cho đến không thành tựu tịnh- vô lậu mà đều là vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, ái sắc chưa hết.

Hỏi: Còn lại không thành tựu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể đạt được vị tương ứng bốn định vô sắc mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được, A-la-hán giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục- cõi Sắc.

Hỏi: Được tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được người phàm phu đến bất dụng xứ thì ái đã hết.

Hỏi: Được vô lậu mà không phải vị tương ứng cũng không phải tịnh chăng?

Đáp: Được, sẽ đạt đến quả A-la-hán.

Hỏi: Cho đến được tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chăng?

Đáp: Được, người vô cấu theo đến Bất dụng xứ thì ái không còn.

Hỏi: Còn lại có được không?

Đáp: Không đạt được.

Hỏi: Có thể rời bỏ vị tương ứng bốn định vô sắc mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chăng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Bỏ tịnh mà không phải vị tương ứng cũng không phải vô lậu chăng?

Đáp: Bỏ, người phàm phu đến Bất dụng xứ thì ái không còn và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục- Sắc.

Hỏi: Cho đến bỏ tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chăng?

Đáp: Bỏ, người vô cấu đến Bất dụng xứ thì ái không còn và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục- cõi Sắc.

Hỏi: Các pháp khác cũng bỏ chăng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Thoái lui vị tương ứng bốn định vô sắc mà không phải tịnh cũng không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có thoái lui, người phạm phu đến Bất dụng xứ thì ái không còn và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục- Sắc.

Hỏi: Cho đến thoái lui tịnh- vô lậu mà không phải vị tương ứng chăng?

Đáp: Thoái lui, người vô cấu đến Bất dụng xứ thì ái không còn và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục- Sắc.

Hỏi: Còn lại có thoái lui chăng?

Đáp: Không thoái lui.

Hỏi: Có thể vị tương ứng tứ thiền lập tức đạt được chăng?

Đáp: Được, ái sắc không còn và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục, hoặc mất ở cõi Vô sắc mà sinh vào cõi Dục hay trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Lập tức rời bỏ chăng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Dần dần được chăng?

Đáp: Không đạt được.

Hỏi: Dần dần rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Có thể có tịnh của tứ thiền lập tức đạt được chăng?

Đáp: Không đạt được.

Hỏi: Tịnh của tứ thiền lập tức rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ. Thiền thứ ba không còn ái và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục, ở cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên mất rồi sinh vào cõi Vô sắc.

Hỏi: Dần dần đạt được chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Dần dần rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Có thể có tứ thiền vô lậu lập tức đạt được chăng?

Đáp: Được. Dựa vào tứ thiền vượt qua thứ tự mà thủ chứng sẽ đạt đến A- la- hán.

Hỏi: Lập tức rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ. Người vô cấu đến thiền thứ ba đã không còn ái và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục.

Hỏi: Dần dần đạt được chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Dần dần rời bỏ chăng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Có thể có vị tương ưng bốn định vô sắc lập tức đạt được chăng?

Đáp: Được. A-la-hán giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục và cõi Sắc.

Hỏi: Lập tức rời bỏ chăng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Dần dần đạt được chăng?

Đáp: Không đạt được.

Hỏi: Dần dần rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Có thể có tịnh của bốn định vô sắc lập tức đạt được chăng?

Đáp: Không đạt được.

Hỏi: Tịnh của bốn định vô sắc lập tức rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ. Bất dụng xứ không còn ái và giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Dần dần đạt được chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Dần dần rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Có thể có ba định vô sắc vô lậu lập tức đạt được chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Sẽ đạt đến A-la-hán lập tức rời bỏ chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Người vô cấu đối với Thức xứ không còn ái mà giảm đi sự ràng buộc của cõi Dục dần dần đạt được chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Dần dần rời bỏ chăng?

Đáp: Không rời bỏ.

Hỏi: Thân giáo do Tam-muội nào trừ hết?

Đáp: Hoặc dựa vào sơ thiên, hoặc dựa vào vị lai. Khẩu giáo cũng như thế.

Thân không có giáo hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Khẩu không có giáo cũng như thế.

Ba hành ác- ba hành diệu, ba căn bất thiện- ba căn thiện, bốn không có thánh ngữ- bốn thánh ngữ, bốn bào thai- noãn sinh- hợp hội sinh, dựa vào hóa sinh vị lai, hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Chỗ dừng lại của sắc thức, hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai.

Chỗ dừng lại của thống (thọ)- tưởng- hành- thức, hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Sắc ấm, hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai.

Thống- tưởng- hành- thức ấm hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Sắc thanh ấm hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai.

Thống- tưởng- hành- thức thanh ấm hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Năm dục- năm Ưu-bà-tắc giới, hoặc dựa vào vị lai.

Nhãn nhập và nhĩ- tử- thiết- thân nhập cùng sắc- thanh- tế hoạt (xúc) nhập, hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai.

Hương nhập và vị nhập dựa vào vị lai. Ý nhập và pháp nhập hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Nhãn thức- nhĩ thức- thân thức thì tương ứng với cánh lạc (xúc trong mười hai nhân duyên)- thống- tưởng- tư- ái, hoặc dựa vào một, hoặc dựa vào vị lai. Tỷ thức và thiết thức thì tương ứng với cánh lạc- thống- tưởng- tư- ái, dựa vào ý thức vị lai. Ý thức đó tương ứng với cánh lạc- thống- tưởng- tư- ái, hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai. Nơi dừng lại của thức thứ nhất dựa vào vị lai. Nơi dừng lại của thức thứ hai hoặc dựa vào một hoặc dựa vào vị lai. Nơi dừng lại của thức thứ ba hoặc dựa vào hai, hoặc dựa vào vị lai. Nơi dừng lại của thức thứ tư hoặc dựa vào ba, hoặc dựa vào vị lai. Nơi dừng lại của thức thứ năm hoặc dựa vào năm, hoặc dựa vào vị lai. Nơi dừng lại của thức thứ sáu hoặc dựa vào sáu, hoặc dựa vào vị lai. Nơi dừng lại của thức thứ bảy hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Tám pháp dựa vào vị lai. Nơi cư trú đầu tiên của chúng sinh hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ hai của chúng sinh hoặc dựa vào một, hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ ba của chúng sinh hoặc dựa vào hai hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ tư của chúng sinh hoặc dựa vào ba, hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ năm của chúng sinh hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ sáu của chúng sinh hoặc dựa vào năm, hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ bảy của chúng sinh hoặc dựa vào sáu, hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ tám của chúng sinh hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai; nơi cư trú thứ chín của chúng sinh hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai; mười hành tích dựa vào vị lai. Trong thiền thì sơ thiền hoặc dựa vào một, hoặc dựa vào vị lai. Nhị thiền hoặc dựa vào

hai, hoặc dựa vào vị lai. Hỷ và giải thoát đầu tiên- thứ hai cùng bốn trừ nhập đầu tiên cũng như thế. Tam thiền hoặc dựa vào ba, hoặc dựa vào vị lai. Tứ thiền hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Từ- Bi- Hộ, tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập cũng như thế.

Trong vô sắc thì Không xứ, Không xứ giải thoát, không xứ nhất thiết nhập hoặc dựa vào năm, hoặc dựa vào vị lai. Thức xứ, Thức xứ giải thoát, Thức xứ nhất thiết nhập hoặc dựa vào sáu, hoặc dựa vào vị lai. Bất dụng xứ, Bất dụng xứ giải thoát Hữu tướng- Vô tướng xứ, Hữu tướng- vô tướng giải thoát và diệt tận giải thoát hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Tha tâm trí hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Đăng trí hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Phẩm 4: BÀN VỀ A NA HÀM

Năm A-na-hàm là Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị-tra.

Năm A-na-hàm thâm nhiếp tất cả A-na-hàm hay tất cả A-na-hàm thâm nhiếp năm A-na-hàm?

Thế nào là tối thắng Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn? Thế nào là tối thắng cho đến Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị-tra?

Các học thì tất cả học đó không đến mà muốn đến mà không được mà muốn được mà không chứng mà muốn chứng là học chẳng? Giả sử không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì học là tất cả học ấy chẳng? Các vô học thì tất cả vô học ấy không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là vô học chẳng? Giả sử không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì không học ấy là tất cả vô học chẳng?

Thế nào là nghĩa thuận lưu? Thế nào là nghĩa nghịch lưu? Thế nào là nghĩa thật trụ? Các thật trụ, thì tất cả đó là A-la-hán chẳng? Giả sử A-la-hán thì tất cả đó là thật trụ chẳng? Các hoàn tích thì tất cả đó là đến bờ kia chẳng? Giả sử đến bờ kia thì tất cả đó là hoàn tích chẳng? Thế nào là Tỳ-kheo được đến bờ kia? Bồ-tát đã đạt đến đâu? Bồ-tát đã được vật gì?

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: “Ông nay là Di-lặc trong vị lai lâu xa gọi là Di Lặc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.” Đây là trí nào? Trí này nên nói là biện giải về sự việc gì?

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: “Đây là đệ tử của Đức Thế Tôn, hiện pháp biện giải về các giáo, suốt đời gồm đủ phạm hạnh, công việc làm đã xong, danh sắc đã có, biết đúng như thật.” Đây là trí nào? Nên nói trí này là biện giải về sự việc gì? Thế nào là nguyện trí? Nguyện trí nên nói là thiện hay vô ký? Thế nào là dấu tích còn lại? Dấu tích còn lại là gọi cho pháp nào?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo thứ nhất trong các đệ tử của Ta, trí bậc nhất là Hê-đâu-ma- nạp, trí tuệ mãi tiếp là Bà-du-phả-lê-chỉ-lê.” Điều này có gì sai biệt?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo thứ nhất trong các đệ tử của Ta, với tâm hướng về thiện là Chúc-lợi-bàn-đặc-ca, tưởng hướng về thiện là Ma ha Bàn-đặc-ca.” Điều này có gì sai biệt?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo thứ nhất trong các đệ tử của Ta, có đại trí tuệ là Xá-lợi-phất, đạt được biện tài là Ma ha Câu-hy-la.” Điều này có gì sai biệt?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số đệ tử bậc nhất nơi các Tỳ-kheo của Ta, Ma ha Ca-diếp đã hành hạnh đầu đà thiếu dục, thiếu dục không vướng mắc là Bạc-câu-lô.” Điều này có gì sai biệt?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Ma-ha-nam học diệt trừ năm cái, đã giải thoát.” Thế nào là học diệt trừ năm cái đã giải thoát?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đó đó gọi là pháp tri túc trong Tỳ-ni tri túc, là Tỳ ni tri túc trong pháp tri túc.” Thế nào là pháp tri túc trong Tỳ ni tri túc? Thế nào là Tỳ ni tri túc trong pháp tri túc?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Pháp theo thứ tự pháp hướng về pháp.” Thế nào là pháp? Theo thứ tự pháp hướng về pháp là sao? Thế nào là pháp luân? Như nhau thế nào nên nói là chuyển pháp luân? Thế nào là đẳng pháp? Như nhau thế nào nên nói là đẳng pháp trụ? Như nhau thế nào nên nói là đẳng pháp tận? Nếu sinh thì pháp kia thuộc về đời nào? Nếu tận thì pháp đó thuộc về đời nào? Nếu ban đầu từ vô lậu nhập sơ thiên, thì vô lậu kia thuộc về đời nào? Nếu ban đầu từ vô lậu cho đến nhập định Bất dụng, thì vô lậu kia thuộc về đời nào?

Về nghĩa của chương này, xin diễn nói đầy đủ.

Năm A-na-hàm là Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị-tra.

Hỏi: Năm A-na-hàm thâm nhiếp tất cả A-na-hàm hay tất cả thâm nhiếp năm A- na- hàm?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp năm chứ không phải năm thâm nhiếp tất cả.

Không thâm nhiếp những gì? Hiện pháp bát Niết-bàn, A-na-hàm của cõi Vô sắc.

Hỏi: Thế nào là tối thắng Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn?

Đáp: Đẳng tận trụ Trung bát Niết-bàn trội hơn chứ không phải Sinh bát Niết-bàn. Nếu kiệt của Sinh bát Niết-bàn này đã trừ hết thì đa số Niết-bàn kia là trội hơn.

Hỏi: Thế nào là tối thắng cho đến Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị tra?

Đáp: Đẳng tận trụ Vô hành bát Niết-bàn là trội hơn chứ không phải Thượng lưu vãng A-ca-nị tra. Nếu kiệt của Thượng lưu vãng A-ca-nị tra này đã hết thì phần nhiều Niết-bàn đó là trội hơn.

Hỏi: Vốn gọi là học sĩ thì tất cả đó là không đến mà muốn đến,

không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là học chẳng?

Đáp: Hoặc là học sĩ nhưng đó là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là không phải học.

Thế nào là học sĩ, học sĩ đó không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là không học? Tánh học sĩ là trụ, đó gọi là học sĩ, học sĩ ấy không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là không phải học.

Thế nào là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng thì học đó không phải là học sĩ? A-la-hán hoặc người phàm phu vận dụng phương tiện mong cầu hưởng thưởng, đó gọi là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, học đó không phải là học sĩ.

Thế nào là học sĩ cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là học? Học sĩ dùng phương tiện mong cầu hưởng lên trên, đó gọi là học sĩ cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là học.

Thế nào là cũng không phải học sĩ, cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là không phải học? A-la-hán hoặc người phàm phu trụ tánh, đó gọi là cũng không phải học sĩ, cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là không phải học.

Hỏi: Vốn gọi là vô học sĩ thì tất cả đó là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng là vô học chẳng?

Đáp: Hoặc là vô học sĩ nhưng đó là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì đó đều là học.

Thế nào là vô học sĩ nhưng đó là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì đó đều là học? A-la-hán dùng phương tiện mong cầu lên trên, đó gọi là vô học sĩ nhưng đó là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì đó đều là học.

Thế nào là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì đó đều là học mà đó không phải là vô học sĩ chẳng? Học sĩ hoặc người phàm phu trụ vào tánh đó gọi là không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn

chứng, không phải học nhưng đó không phải là vô học sĩ.

Thế nào là cũng vô học sĩ, cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, không phải học? A-la-hán trụ vào tánh, đó gọi là vô học sĩ, cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, không phải học.

Thế nào là không phải vô học sĩ, cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì đó đều là học? Học sĩ hoặc là người phàm phu dùng phương tiện mong cầu lên trên, đó gọi là không phải vô học sĩ, cũng không đến mà muốn đến, không được mà muốn được, không chứng mà muốn chứng, thì đó đều là học.

Hỏi: Thế nào là nghĩa thuận lưu?

Đáp: Các pháp sinh ra, các pháp diệt đi, các pháp hiện hữu, các pháp được sinh ra, các pháp được tồn tại hưởng về chủng loại ấy, phương thức ấy, duyên ấy, đạo ấy, đó vốn là thuận lưu..

Hỏi: Thế nào là nghĩa nghịch lưu?

Đáp: Các pháp hết sinh ra, hết diệt đi, hết hiện hữu, hết được sinh ra, hết được tồn tại hưởng về chủng loại ấy, phương thức ấy, duyên ấy, dấu tích ấy, đó vốn là nghịch lưu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa thật trụ?

Đáp: Đó không phải giống như các pháp sinh ra, các pháp diệt đi, các pháp hiện hữu, các pháp được sinh ra, các pháp được tồn tại này hưởng về chủng loại ấy phương thức ấy, duyên ấy, đạo ấy, dấu tích ấy; đó không phải giống như các pháp hết sinh ra, hết diệt đi, hết hiện hữu, hết được sinh ra, hết được tồn tại này hưởng về chủng loại ấy, phương thức ấy, duyên ấy, đạo ấy, dấu tích ấy; đó vốn là nghĩa thật trụ.

Hỏi: Các thật trụ thì tất cả đó là A-la-hán chăng?

Đáp: Như thế, các A-la-hán thì đó là tất cả thật trụ.

Hỏi: Có thể có thật trụ mà đó không phải là A-la-hán chăng?

Đáp: Có, A-na-hàm. Đức Thế Tôn cũng nói: “Nếu học đầy đủ diệt năm cấu uế, thì tâm pháp vô lậu đạt được định căn tự tại của thật trụ ấy, đó gọi là người thật trụ.”

Hỏi: Các hoàn tích thì tất cả đó là đến bờ bên kia chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Các hoàn tích thì tất cả đó là đến bờ bên kia.

Hỏi: Có thể đến bờ bên kia mà đó không phải là hoàn tích chăng?

Đáp: Có, A-na-hàm. Đức Thế Tôn cũng nói.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo được đến bờ kia?

Đáp: Năm kiết phần dưới đã hết không còn sót lại gì.

Hỏi: Bồ-tát đầy đủ điều gì?

Đáp: Đầy đủ hạnh báo của mình thực hiện không chán.

Hỏi: Đạt được điều gài gọi là Bồ-tát?

Đáp: Hạnh và báo của mình.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Ông nay là Di-lặc trong vị lai lâu xa, đó gọi là Di Lặc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.”

Hỏi: Đây là trí nào?

Đáp: Nhân trí và đạo trí.

Hỏi: Trí này nên nói là biện giải về sự việc gì?

Đáp: Trí là nhân của hạnh báo tự mình, các căn- lực- giác- đạo chủng vô lậu, đạt được đạo quả Vô thượng Bồ-đề là nhờ đạo trí này.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đây là đệ tử của Đức Thế Tôn, hiện pháp biện giải về các giáo, không còn sinh tử suốt đời gồm đủ phạm hạnh, công việc làm đã xong, danh sắc đã có, biết đúng như thật.” Đây là trí nào?

Đáp: Là đạo trí.

Hỏi: Trí này nên nói là biện giải về sự việc gì?

Đáp: Các căn- lực –giáo- đạo chủng vô lậu được trừ sạch các lậu, đó gọi là đạo trí.

Hỏi: Thế nào là nguyện trí?

Đáp: Như A-la-hán hiểu rõ nghĩa của các dục, họ phát nguyện rồi tiến vào đỉnh cao của thiền thứ tư, từ Tam- muội ấy bắt đầu biết rõ tất cả các nghĩa, đó gọi là nguyện trí.

Hỏi: Nguyện trí nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Nguyện trí hoặc thiện, hoặc vô ký.

Hỏi: Thế nào là dấu tích khác?

Đáp: Tất cả A-la-hán trong nội tâm luôn luôn phân biệt rõ thiện pháp chứ không hoàn toàn ở ngoài, đó gọi là trong nội tâm luôn luôn phân biệt rõ thiện pháp..

Hỏi: Dấu tích và nghĩa lý khác là gọi cho pháp nào?

Đáp: Vô cấu khác.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo thứ nhất trong số đệ tử của Ta, trí bậc nhất là Hê-đâu-ma-nạp, trí tuệ mẫn tiệp là Bà-du-quả-y.” Điều này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Hê-đâu-ma-nạp luôn giữ tâm ngay thẳng thuận với

tự nhiên, Tôn giả Bà-du-quả-y ít chú ý nhưng tâm nhu hòa. Đây gọi là sự sai biệt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo thứ nhất trong số đệ tử của Ta, với tâm hướng về thiện là Chúc-lợi-bàn-đặc-ca, tưởng hướng về thiện là Ma ha Bàn-đặc-ca.” Điều này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Chúc-lợi-bàn-đặc-ca trải qua nhiều tâm mà quán xét tâm, Tôn giả Ma ha Bàn-đặc-ca trải qua nhiều pháp mà quán xét pháp. Đây là sự sai biệt?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo thứ nhất trong số đệ tử của Ta, có đại trí tuệ là Xá-lợi-phất, đạt được biện tài là Ma ha Câu-hy-la.” Điều này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-phất trải qua nhiều nghĩa lý mà biện giải, Tôn giả Ma ha Câu-hy-la trải qua nhiều về bốn biện tài. Đây là sự sai biệt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo thứ nhất trong số đệ tử của Ta, Tôn giả Ma ha Ca-diếp hành hạnh đầu đà thiếu dục, còn Tôn giả Bạc-câu-lô thì thiếu dục không vướng mắc.” Điều này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Ma ha Ca-diếp hoặc được thức ăn, hoặc ngon hay dở, với ý niệm bình đẳng mà thọ thực không có ý phân biệt đây kia. Tôn giả Bạc-câu-lô được các thức ăn hoặc ngon hay dở, Tôn giả để riêng thức ăn ngon ra mà chỉ ăn thứ dở. Lại nữa, Tôn giả Ma ha Ca-diếp là bậc Đại đức nhận thức xa rộng, khi thọ nhận các thứ thức ăn- y phục- giường nằm- thuốc thang trị bệnh thì luôn bình đẳng theo hạnh đầu đà. Tôn giả Bạc-câu-lô không phải là bậc Đại đức có nhận thức xa rộng, cũng ít nhận được các vật dụng cúng dường như y phục- thức ăn- thuốc men trị bệnh v.v... Một vị thì luôn luôn bình đẳng theo hạnh đầu đà, một vị thì không có nhận thức xa rộng nên không bình đẳng theo hạnh đầu đà. Đây là sự sai biệt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Ma-ha-nam học diệt trừ năm cái được giải thoát.” Thế nào là học diệt trừ năm cái được giải thoát?

Đáp: Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm học hiểu về nghĩa này để diệt trừ năm cái kia, diệt lìa dần, lìa chướng dần, trái với chướng dần, trái dần nên tự tại. Vì lý do này cho nên Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm đều học hiểu về nghĩa ấy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đó đó gọi là pháp tri túc trong Tỳ ni tri túc, là Tỳ ni tri túc trong pháp tri túc.” Thế nào là pháp tri túc trong Tỳ ni tri túc? Thế nào là Tỳ ni tri túc trong pháp tri túc?

Đáp: Tám thánh đạo cũng gọi là pháp Tỳ ni loại trừ tham dâm-

giận dữ- ngu si thì được gọi là Tỳ ni. Tám thánh đạo chủng kia nếu không tu, không hiểu rộng thì đối với tham dâm- giận dữ- si ấy, Tỳ ni không thể tác chứng. Tỳ ni không thể tác chứng thì đối với các thứ tham dâm- giận- si kia, tám thánh đạo chủng không thể tu, không thể hiểu rộng. Pháp tri túc trong Tỳ ni tri túc là như thế. Tỳ ni tri túc trong pháp tri túc là như thế.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Pháp theo thứ tự pháp hướng về pháp.” Thế nào là pháp? Thứ tự pháp hướng về pháp là sao?

Đáp: Niết-bàn đó gọi là pháp, tám thánh đạo chủng gọi là theo thứ tự pháp hướng về pháp. Lại nữa, giới giải thoát gọi là pháp, Tỳ ni giới giải thoát gọi là theo thứ tự pháp hướng đến pháp. Lại nữa, giới luật nơi thân và giới luật nơi miệng gọi là pháp, đẳng trì (định) đó gọi là thứ tự pháp hướng đến pháp kia.

Hỏi: Thế nào là pháp luân?

Đáp: Tám thánh đạo chủng.

Hỏi: Như nhau thế nào nên nói là chuyển pháp luân?

Đáp: Như lúc Tôn giả A-nhã-câu-lân kiến pháp.

Hỏi: Thế nào là đẳng pháp?

Đáp: Căn- lực- giác- đạo chủng vô lậu.

Hỏi: Như thế nào nên nói là đẳng pháp trụ?

Đáp: Các pháp hiện hành ấy là trụ.

Hỏi: Như nhau thế nào nên nói đẳng pháp diệt?

Đáp: Các pháp hiện hành ấy là diệt.

Hỏi: Các pháp sinh ra thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Nếu các pháp diệt đi thì thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời hiện tại.

Hỏi: Nếu ban đầu từ vô lậu nhập sơ thiên, thì vô lậu thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Nếu ban đầu từ vô lậu cho đến nhập định Bất dụng, thì vô lậu

thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

